# VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ QUỐC PHÒNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## THÔNG TƯ
**Hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 11 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 143/2018/TT-BQP ngày 15 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;*

*Theo đề nghị của Tư lệnh Cảnh sát biển;*

*Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*[1].

---

[1] Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có căn cứ ban hành như sau:

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1.[2] Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây viết gọn là Nghị định số 162/2013/NĐ-CP), Nghị định số 23/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây viết gọn là Nghị định số 23/2017/NĐ-CP).

2. Các quy định khác về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không hướng dẫn tại Thông tư này thực hiện theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các văn bản pháp luật có liên quan.

---

"*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;*

*Theo đề nghị của Tư lệnh Cảnh sát biển;*

*Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*".

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam và cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.[3] Người có thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 162/2013/NĐ-CP và Nghị định số 23/2017/NĐ-CP; cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

**Điều 3. Biện pháp khắc phục hậu quả**

Việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 4 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP thực hiện theo các bước sau:

1. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong đó có ghi biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Công bố quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Sử dụng phương tiện, công cụ hỗ trợ và các biện pháp khác theo quy định của pháp luật yêu cầu thực hiện các nội dung biện pháp khắc phục hậu quả đã được ghi trong quyết định xử phạt hành chính.

**Điều 4. Sử dụng biểu mẫu trong xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Việc sử dụng biểu mẫu xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và các quy định khác của pháp luật.

## Chương II
## HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRÊN CÁC VÙNG BIỂN, ĐẢO VÀ THỀM LỤC ĐỊA CỦA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Điều 5. Hành vi vi phạm quy định về đi qua không gây hại trong lãnh hải quy định tại Điều 5 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP**

1. Hành vi dừng lại, neo đậu trái phép trong lãnh hải Việt Nam quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP là hành vi của tàu thuyền nước ngoài đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam nhưng dừng lại hoặc neo đậu

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

trong lãnh hải Việt Nam mà không phải do gặp sự cố hàng hải, sự cố bất khả kháng, gặp nạn hoặc vì mục đích phải cứu giúp người, tàu thuyền hay tàu bay đang gặp nạn.

2.[4] Hành vi đi vào vùng cấm hoặc vùng hạn chế hoạt động trong lãnh hải Việt Nam quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP là hành vi của tàu thuyền nước ngoài đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam đã đi vào vùng cấm hoặc vùng hạn chế hoạt động trong lãnh hải Việt Nam do Chính phủ Việt Nam thiết lập để bảo vệ chủ quyền, quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia hoặc an toàn hàng hải, bảo vệ tài nguyên, sinh thái biển, chống ô nhiễm, khắc phục sự cố, thảm họa môi trường biển, phòng chống lây lan dịch bệnh mà không được phép của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Vùng cấm, vùng hạn chế hoạt động trong lãnh hải Việt Nam theo quy định tại Luật biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Điều 6. Hành vi vi phạm về treo Quốc kỳ Việt Nam và treo cờ quốc tịch quy định tại Điều 7 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 23/2017/NĐ-CP[5]**

1. Treo cờ đối với tàu thuyền tại cảng biển thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 về quản lý hoạt động hàng hải.

2. Treo Quốc kỳ trên tàu biển Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 về quản lý hoạt động hàng hải.

---

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

[5] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

3. Treo cờ quốc tịch và treo Quốc kỳ Việt Nam đối với tàu thuyền nước ngoài khi hoạt động trong khu vực biên giới biển thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Điều 7. Hành vi xâm phạm vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định tại khoản 3 Điều 8, Điều 9, Điều 11, Khoản 6 Điều 13 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP**

1. Hành vi xâm phạm vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định tại Khoản 3 Điều 8, Điều 9, Điều 11, Khoản 6 Điều 13 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP là hành vi của cá nhân, tổ chức nước ngoài sử dụng, điều khiển tàu thuyền hoặc phương tiện khác đi vào và thực hiện các hoạt động điều tra, thăm dò, nghiên cứu khoa học tài nguyên biển; hoạt động du lịch; khai thác, mua, bán thủy sản; xây dựng, lắp đặt, sử dụng các đảo nhân tạo, thiết bị, công trình trong vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà chưa được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép.

2. Đối với cá nhân, tổ chức nước ngoài được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép sử dụng, điều khiển tàu thuyền hoặc phương tiện khác đi vào vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để điều tra, thăm dò, nghiên cứu khoa học tài nguyên biển; hoạt động du lịch; khai thác, mua, bán thủy sản; hoạt động liên quan đến đảo nhân tạo, thiết bị, công trình mà vi phạm thì không phải là hành vi xâm phạm vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**Điều 8. Hành vi "gây cản trở" quy định tại Điều 12 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP**

Hành vi "gây cản trở" quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP là hành vi của cá nhân, tổ chức hoạt động trên biển làm cho các phương tiện giao thông trên biển phải thay đổi tốc độ, thay đổi hướng đi; tàu, thuyền đánh cá phải thay đổi quy trình thu, thả, dắt lưới; tàu thăm dò địa chấn phải thay đổi lộ trình; tàu tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và các loại tài nguyên thiên nhiên khác thay đổi lộ trình theo kế hoạch và các hoạt động hợp pháp khác trên biển tiến hành không được bình thường.

**Điều 9. Hành vi vi phạm quy định về vận chuyển, mua bán, trao đổi, sang mạn hàng hóa trái phép trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định tại Điều 15 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 23/2017/NĐ-CP[6]**

1. Hành vi vận chuyển hàng hóa trên biển mà không có hợp đồng hoặc giấy tờ tương tự theo quy định của pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP là hành vi vận chuyển hàng hóa trên biển mà

---

[6] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

không có tài liệu chứng minh hoạt động vận chuyển hợp pháp hàng hóa trên biển, bao gồm:

a) Vận chuyển hàng hóa theo chuyến mà không có hợp đồng vận chuyển bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 146 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 và văn bản khác có liên quan;

b) Vận chuyển hàng hóa theo chứng từ vận chuyển mà không có một trong các loại giấy tờ sau: Hợp đồng vận chuyển được giao kết theo quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 và các văn bản khác có liên quan; vận đơn, vận đơn suốt đường biển, giấy gửi hàng đường biển và chứng từ vận chuyển khác do người vận chuyển và người thuê vận chuyển thỏa thuận về nội dung, giá trị;

Đối với vận đơn đường biển của hàng hóa kinh doanh tạm nhập, tái xuất, thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 11/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu hàng hóa.

2. Hành vi sử dụng phương tiện vận chuyển không phù hợp với loại hàng hóa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP gồm:

a) Sử dụng phương tiện vận chuyển xăng dầu không phù hợp theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

b) Sử dụng phương tiện vận chuyển hàng nguy hiểm không phù hợp theo quy định tại Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa, Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, Thông tư số 46/2017/TT-BGTVT ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về an toàn và phòng ngừa ô nhiễm môi trường khi vận chuyển hàng nguy hiểm bằng tàu biển.

c) Sử dụng phương tiện vận chuyển không phù hợp với loại hàng hóa không phải là xăng dầu, hàng nguy hiểm theo quy định của pháp luật.

3. Hành vi sang mạn xăng, dầu, quặng và các loại hàng hóa khác không đúng địa điểm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP bao gồm:

a) Sang mạn xăng, dầu không đúng địa điểm theo quy định tại khoản 15 Điều 9 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

b) Sang mạn quặng và các loại hàng hóa khác không đúng địa điểm theo quy định của pháp luật.

4. Hành vi vận chuyển, mua bán, trao đổi, sang mạn loại hàng hóa không phải là hàng hóa kinh doanh, vận chuyển có điều kiện mà không có giấy tờ, không đầy đủ giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 23/2017/NĐ-CP bao gồm:

a) Trường hợp không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa nhập khẩu, vận chuyển từ cửa khẩu nhập khẩu vào nội địa theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 64/2015/TTLT-BTC-BCT-BCA-BQP ngày 08 tháng 5 năm 2015 của các Bộ trưởng: Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quy định chế độ hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường;

b) Trường hợp hàng hóa được vận chuyển để xuất khẩu mà không có tờ khai hàng hóa xuất khẩu đã được thông quan và có xác nhận hàng đã qua khu vực giám sát theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

c) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu đang vận chuyển về địa điểm làm thủ tục hải quan mà không có đầy đủ các loại chứng từ phải nộp để làm thủ tục hải quan theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Trường hợp không có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa nhập khẩu, vận chuyển, lưu thông trong thị trường nội địa theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 64/2015/TTLT-BTC-BCT-BCA-BQP ngày 08 tháng 5 năm 2015 của các Bộ trưởng; Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng quy định chế độ hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường;

d) Trường hợp mua bán, vận chuyển, trao đổi, sang mạn khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp: Xử lý theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 21 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, được sửa đổi, bổ

sung tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

đ) Trường hợp vận chuyển hàng hóa là lâm sản không có hồ sơ hợp pháp hoặc có hồ sơ hợp pháp nhưng hồ sơ không phù hợp với lâm sản thực tế vận chuyển; gỗ không có dấu búa kiểm lâm đối với loại gỗ theo quy định của pháp luật phải có.

Hồ sơ lâm sản hợp pháp được xác định theo quy định tại Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản; Thông tư số 40/2015/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản;

e) Trường hợp hàng hóa sản xuất, vận chuyển kinh doanh nội địa không thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ Khoản này, không có hoặc không đầy đủ giấy tờ chứng minh tính hợp pháp sau:

Hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng theo mẫu và quy định tại Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế; Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung

ứng dịch vụ; Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các loại hóa đơn chứng từ khác theo quy định của pháp luật.

Các chứng từ được in, phát hành, sử dụng và quản lý như hóa đơn gồm phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý theo mẫu quy định tại: Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ; Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Việc xác định hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp và hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn thực hiện theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51 /2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ.

Trường hợp vận chuyển, mua bán, trao đổi, sang mạn hàng hóa khác không có giấy tờ, không đầy đủ giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Hành vi vận chuyển, mua bán, trao đổi, sang mạn hàng hóa kinh doanh vận chuyển có điều kiện mà tại thời điểm kiểm tra không có hoặc không đầy đủ giấy tờ đi liền kèm theo để chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa đó quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 23/2017/NĐ-CP bao gồm:

a) Không có hóa đơn, chứng từ; chứng từ được in, phát hành, sử dụng và quản lý như hóa đơn gồm phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, phiếu xuất

kho hàng gửi bán đại lý theo quy định tại Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ; Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các loại hóa đơn chứng từ khác theo quy định của pháp luật.

b) Hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu theo giấy phép, điều kiện mà không có giấy phép nhập khẩu hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định kèm theo hàng hóa khi lưu thông trên thị trường.

Danh mục hàng hóa nhập khẩu theo giấy phép, điều kiện thực hiện theo quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

c) Danh mục hàng hóa kinh doanh, vận chuyển có điều kiện thực hiện theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện; Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư và các văn bản khác có liên quan.

**Điều 10. Hành vi vi phạm quy định về đăng ký, đăng kiểm quy định tại Điều 16 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP**[7]

1. Các loại tài liệu, giấy chứng nhận của tàu thuyền quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 162/2013/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Thông tư số

[7] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

41/2016/TT-BGTVT ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về Danh mục giấy chứng nhận và tài liệu của tàu biển và tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động Việt Nam và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Giấy phép rời cảng cuối cùng quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP là văn bản do Cảng vụ hàng hải hoặc cơ quan có thẩm quyền nơi tàu thuyền rời cảng cuối cùng cấp hoặc xác nhận theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 về quản lý hoạt động hàng hải.

Trường hợp tàu biển đã được cấp giấy phép rời cảng mà vẫn lưu lại tại cảng quá 24 giờ kể từ thời điểm tàu biển được phép rời cảng, tàu biển đó phải làm lại thủ tục rời cảng theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015.

**Điều 11. Hành vi vi phạm quy định về chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, sổ thuyền viên và hộ chiếu thuyền viên; vi phạm quy định về an toàn sinh mạng trên tàu biển quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP[8]**

1. Hành vi vi phạm về chứng chỉ chuyên môn quy định tại Điều 17 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP là hành vi thuyền viên làm việc trên tàu thuyền không có đủ chứng chỉ chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 37/2016/TT-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam và các văn bản khác có liên quan.

2. Hành vi không bố trí đủ định biên an toàn tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP là hành vi không bố trí đủ định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 37/2016/TT-BGTVT ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, đào tạo huấn luyện thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu của tàu biển Việt Nam và các văn bản khác có liên quan.

---

[8] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

3. Hành vi vi phạm về sổ thuyền viên hoặc hộ chiếu thuyền viên quy định tại Điều 17 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP là hành vi thuyền viên làm việc trên tàu thuyền không có hoặc không đầy đủ sổ thuyền viên hoặc hộ chiếu thuyền viên theo quy định tại Thông tư số 23/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về chức danh, nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên và đăng ký thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam; Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; Nghị định số 94/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

**Điều 12. Hành vi vi phạm quy định về bảo đảm an toàn hàng hải quy định tại Điều 20 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP[9]**

Việc xác định mức độ tai nạn hàng hải để xác định hành vi vi phạm tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 20 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Thông tư số 34/2015/TT-BGTVT ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải; Thông tư số 39/2017/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2015/TT-BGTVT ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải.

**Điều 13. Hành vi vi phạm quy định khác về an ninh, an toàn trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định tại Điều 21 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP**

1. Sĩ quan an ninh tàu biển quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 21 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP là một người trên tàu, chịu trách nhiệm trước thuyền trưởng, được Công ty chỉ định, có trách nhiệm đối với an ninh của tàu, bao gồm cả việc thực thi và duy trì Kế hoạch An ninh Tàu và giữ liên lạc với Nhân viên An ninh Công ty và các Nhân viên An ninh Bến cảng, theo quy định tại Bộ luật Quốc tế về An ninh Tàu và Bến cảng; Thông tư số 27/2011/TT-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải áp dụng sửa đổi, bổ sung năm 2002 của Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974 ban hành kèm theo Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển.

---

[9] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

2.[10] Tên tàu biển, cảng đăng ký của tàu biển quy định tại điểm a khoản 3 Điều 21 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP thực hiện theo quy định tại Nghị định số 171/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về đăng ký, xóa đăng ký và mua, bán, đóng mới tàu biển.

3. Giấy tờ, danh mục hàng hóa nguy hiểm, các quy định về vận tải hàng hóa nguy hiểm quy định, tại Điểm b Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP trên đường thủy nội địa thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.

4.[11] Các quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng tàu biển theo quy định tại Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 và các văn bản khác có liên quan.

5. Trang thiết bị an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển lắp đặt trên tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa thực hiện theo quy định tại Quyết định 59/2005/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về trang thiết bị an toàn hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển lắp đặt trên tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa.

6.[12] Tuyến, vùng hoạt động của phương tiện thủy nội địa thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam và Thông tư số 05/2017/TT-BGTVT ngày 21 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng

---

[10] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

[11] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

biển Việt Nam. Tuyến, vùng hoạt động của phương tiện thủy nội địa còn được xác định trong Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa hoặc Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa.

7. Tuyến, vùng hoạt động của tàu biển thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BGTVT ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia "Quy phạm phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép"; Thông tư số 05/2013/TT-BGTVT ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép - Sửa đổi lần 1 năm 2013. Tuyến, vùng hoạt động của tàu biển còn được xác định trong hồ sơ của tàu biển.

**Điều 14. Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường biển khi tàu thuyền nước ngoài chạy bằng năng lượng hạt nhân hoặc tàu thuyền chuyên chở chất phóng xạ, chất độc hại hoặc nguy hiểm khi đi qua lãnh hải Việt Nam quy định tại Điều 24 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP**

1. Tàu thuyền nước ngoài chạy bằng năng lượng hạt nhân hoặc tàu thuyền chuyên chở chất phóng xạ, chất độc hại hoặc nguy hiểm đi qua lãnh hải Việt Nam là trường hợp tàu thuyền đang thực hiện quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải, gồm:

a) Đi ngang qua nhưng không đi vào nội thủy Việt Nam, không neo đậu lại trong một công trình cảng, bến hay nơi trú đậu ở bên ngoài nội thủy Việt Nam;

b) Đi vào hoặc rời khỏi nội thủy Việt Nam hay đậu lại hoặc rời khỏi một công trình cảng, bến hay nơi trú đậu ở bên ngoài nội thủy Việt Nam,

2. Tài liệu kỹ thuật liên quan đến tàu thuyền và hàng hóa trên tàu thuyền quy định tại Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP được áp dụng như sau:

a) Đối với tàu thuyền chuyên chở chất phóng xạ, chất độc hại hay nguy hiểm thực hiện theo Quy định 4, Quy định 7-2, Quy định 10, Quy định 16 Chương VII Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974; trường hợp tàu thuyền chạy bằng năng lượng hạt nhân thực hiện theo Quy định 10 Chương VIII Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển năm 1974;

b) Hồ sơ vận chuyển chất độc hại bằng đường biển thực hiện theo Quy định 4 Phụ lục III, Quy định 11 Phụ lục II Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm do tàu gây ra năm 1973, sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978 (sau đây viết gọn là Công ước MARPOL 73/78).

3. Tài liệu về bảo hiểm dân sự bắt buộc là những tài liệu chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu, chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại ô nhiễm dầu hoặc các chứng nhận

bảo hiểm khác theo quy định của các công ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

**Điều 15. Hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường biển do tàu thuyền gây ra quy định tại Điều 25 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP**

1. Việc ghi nhật ký dầu, nhật ký bơm nước la canh buồng máy, nhật ký đổ thải quy định tại Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP được thực hiện theo quy định tại Phụ lục I Công ước MARPOL 73/78.

2.[13] Kế hoạch ứng phó sự cố dầu tràn; kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu, ô nhiễm hóa chất quy định tại điểm a khoản 3 Điều 25 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP được thực hiện theo Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu và Quyết định số 63/2014/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu ban hành kèm theo Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

3.[14] Các loại chất độc hại bao gồm chất lỏng độc, nước dằn, nước rửa, các cặn khác hoặc các hỗn hợp chứa các chất này. Các chất lỏng độc là chất bất kỳ được xếp vào chất loại X, Y hoặc Z nêu ở bảng 8E/17.1 và Bảng 8E/18.1 Phần 8E Mục II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 21: 2010/BGTVT ban hành kèm theo Thông tư số 12/2010/TT-BGTVT ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia "Quy phạm phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép" hoặc các chất lỏng khác được tạm thời đánh giá theo quy định tại Mục 6.3 Phụ lục II Công ước MARPOL 73/78 là các chất thuộc loại X, Y, hoặc Z. Phân biệt như sau:

a) Chất độc lỏng loại X là các chất lỏng được thải ra từ các hoạt động vệ sinh két hoặc xả nước dằn két trên tàu gây nên mối nguy hiểm lớn cho tài nguyên của nguồn nước ngoài tàu hoặc sức khỏe con người;

---

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

[14] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

b) Chất độc lỏng loại Y là các chất lỏng được thải ra từ các hoạt động vệ sinh hoặc xả nước dằn két trên tàu gây nên mối nguy hiểm lớn cho tài nguyên của nguồn nước ngoài tàu hoặc sức khỏe con người, làm xấu các điều kiện giải trí hoặc cản trở các hình thức sử dụng khai thác nguồn lợi về sông, biển;

c) Chất độc lỏng loại z là các chất lỏng được thải ra từ các hoạt động vệ sinh hoặc xả nước dằn két trên tàu gây nên mối nguy hiểm không lớn cho tài nguyên của sông, biển hoặc sức khỏe con người.

4. Trường hợp những hành vi vi phạm của tàu thuyền gây ô nhiễm môi trường trùng với hành vi vi phạm trong lĩnh vực hàng hải ngoài vùng nước cảng biển mà hình thức và mức xử phạt khác nhau thì áp dụng như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm đã xảy ra hậu quả về môi trường thì áp dụng hình thức, mức xử phạt tại điều khoản quy định trong mục này;

b) Đối với hành vi vi phạm chưa xảy ra hậu quả về môi trường thì áp dụng hình thức, mức xử phạt tại điều khoản quy định trong mục hành vi vi phạm trong lĩnh vực hàng hải ngoài vùng nước cảng biển.

**Điều 16. Hành vi vi phạm quy định về vận chuyển chất thải nguy hại quy định tại Điều 26 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP**

1.[15] Chất thải nguy hại được quy định tại Điều 26 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP là những loại chất thải được phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại. Việc phân định, phân loại chất thải nguy hại được thực hiện theo quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2009/BTNMT về ngưỡng chất thải nguy hại ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

2. Vận chuyển chất thải nguy hại là quá trình chuyên chở chất thải nguy hại từ nơi phát sinh đến nơi xử lý, có thể kèm theo việc thu gom, đóng gói, bảo quản, lưu giữ tạm thời, trung chuyển, sơ chế chất thải nguy hại.

---

[15] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

3.[16] Giấy phép quản lý chất thải nguy hại là tên gọi chung cho các loại giấy phép sau: Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại, Giấy phép hành nghề vận chuyển chất thải nguy hại, Giấy phép hành nghề xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

4.[17] Hồ sơ đăng ký kèm theo Giấy phép quản lý chất thải nguy hại là hồ sơ quản lý chất thải nguy hại của chủ xử lý, tiêu hủy, vận chuyển hoặc chủ nguồn thải theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

5. Hệ thống định vị vệ tinh (GPS) được trang bị đối với phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại có tính nguy hại cao để có thể xác định vị trí chính xác và ghi lại hành trình vận chuyển chất thải nguy hại của phương tiện theo yêu cầu của cơ quan xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc của cơ quan cấp phép;

6. Phương tiện, thiết bị chuyên dụng thu gom, vận chuyển, đóng gói, bảo quản và lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật khi không có một trong những điều kiện sau:

a) Phương tiện vận chuyển chưa được đăng ký lưu hành;

b) Phương tiện vận chuyển không lắp đặt thiết bị cảnh báo và xử lý khẩn cấp sự cố khi vận hành;

c) Đối với phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại có tính nguy hại cao mà không trang bị hệ thống định vị vệ tinh (GPS);

d) Không được thiết kế bảo đảm phòng ngừa rò rỉ hoặc phát tán chất thải nguy hại vào môi trường, không làm lẫn các loại chất thải nguy hại với nhau; được chế tạo từ các vật liệu không có khả năng tương tác, phản ứng với chất thải nguy hại;

---

[16] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

[17] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

đ) Không có dấu hiệu cảnh báo; phòng ngừa theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707-2009 về "Chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa".

## Chương III

## THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VÀ THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRÊN CÁC VÙNG BIỂN, ĐẢO VÀ THỀM LỤC ĐỊA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

### Điều 17. Thẩm quyền xử phạt

1.[18] Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều lực lượng khác nhau quy định tại Chương 3 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP và các khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 1 Nghị định số 23/2017/NĐ-CP thì việc xử phạt vi phạm hành chính do lực lượng thụ lý đầu tiên thực hiện.

2. Thẩm quyền xử phạt hành chính của lực lượng Cảnh sát biển và các lực lượng khác quy định tại các nghị định khác của Chính phủ quy định xử phạt hành chính trong các lĩnh vực có liên quan, thì áp dụng nghị định đó để thực hiện.

3. Các quy định khác về thẩm quyền xử phạt hành chính của lực lượng Cảnh sát biển và các lực lượng khác theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các văn bản có liên quan.

### Điều 18. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 23/2017/NĐ-CP[19]

1. Chiến sĩ Cảnh sát biển, Cảnh sát viên Cảnh sát biển, Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ, Đội trưởng Đội nghiệp vụ, Trạm trưởng, Hải đội trưởng, Hải đoàn trưởng, Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Tư lệnh Cảnh sát biển khi đang thi hành công vụ có quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm quy định tại Nghị định số 162/2013/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 23/2017/NĐ-CP.

2. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng, Trạm trưởng, Đội trưởng của Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng, Đồn trưởng, Hải đội trưởng, Chỉ huy trưởng Tiểu khu Biên phòng, Chỉ huy trưởng Biên phòng Cửa khẩu cảng, Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên

---

[18] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

[19] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn Biên phòng khi đang thi hành công vụ có quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm quy định tại Nghị định số 162/2013/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 23/2017/NĐ-CP thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của mình.

3. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính của các chức danh thuộc lực lượng Hải quan, Giao thông vận tải, Quản lý thị trường, Kiểm ngư và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 162/2013/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 23/2017/NĐ-CP.

## Chương IV
## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH [20]

### Điều 19. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 11năm 2014 và thay thế Thông tư số 137/2005/TT-BQP ngày 20 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 137/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### Điều 20. Điều khoản chuyển tiếp[21]

1. Trường hợp văn bản viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Người đứng đầu các lực lượng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 162/2013/NĐ-CP và Nghị định số 23/2017/NĐ-CP chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc cập nhật các văn bản

---

[20] Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018, quy định như sau:

*"**Điều 2. Hiệu lực thi hành***

*Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.*

***Điều 3. Trách nhiệm thi hành***

*1. Tư lệnh Cảnh sát biển, Thủ trưởng các lực lượng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính tổ chức và chỉ đạo việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 162/2013/NĐ-CP, Nghị định số 23/2017/NĐ-CP, Thông tư này và các văn bản khác có liên quan.*

*2. Quá trình thực hiện Thông tư này nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Bộ Quốc phòng để xem xét, phối hợp giải quyết."*

[21] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 143/2018/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 130/2014/TT-BQP ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 162/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018.

sửa đổi, bổ sung, thay thế những văn bản được viện dẫn trong Thông tư này để áp dụng xử phạt bảo đảm thống nhất, đúng pháp luật.

**Điều 21. Trách nhiệm thi hành**

1. Tư lệnh Cảnh sát biển, Thủ trưởng các lực lượng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính tổ chức và chỉ đạo việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 162/2013/NĐ-CP, Thông tư này và các văn bản khác có liên quan; kiểm tra việc tuân thủ pháp luật để bảo đảm thực hiện thống nhất trong toàn lực lượng, đúng quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời phản ánh về Bộ Quốc phòng để xem xét, phối hợp giải quyết./.

---

**BỘ QUỐC PHÒNG**

Số: 05 /VBHN-BQP

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

*Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2018*

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Thượng tướng Lê Chiêm**

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

| | |
|---|---|
| Địa chỉ: | Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội |
| Điện thoại liên hệ: | |
| - Nội dung: | 080.44417; Fax: 080.44517 |
| - Phát hành: | 080.48543 |
| Email: | congbao@chinhphu.vn |
| Website: | http://congbao.chinhphu.vn |
| In tại: | Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng |

Giá: 10.000 đồng